TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 111/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 10 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 49/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hủng Thị N; sinh năm 2002; nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang; Căn cước số 002302007207; do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C cấp ngày 11/11/2025.

Bị đơn: Anh Ván Văn Q; sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang; Căn cước số 002200005641; do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C cấp ngày 10/6/2025.

Căn cứ vào các khoản 3, 4 Điều 147, các khoản 1, 2 Điều 212, khoản 1 Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/6/2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/6/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hủng Thị N và anh Ván Văn Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hủng Thị N và anh Ván Văn Q tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Ván Văn Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Ván Văn K, sinh ngày 18/11/2018 cho đến khi con Ván Văn K đủ 18 tuổi. Chị Hủng Thị N và anh Ván Văn Q đều không yêu cầu Tòa án giải

quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hủng Thị N tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000338, ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Hủng Thị N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 5 - Tuyên Quang;
- THA Dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Tân Trịnh, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT, AV.

THẨM PHÁN

Hà Mạnh Cường